

Số: 373 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học, cao đẳng chính quy - Quý II/2014

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/ CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ kết quả học tập của các lớp Đại học, Cao đẳng chính quy các khoa Điện - Điện tử, Cơ khí, Xây dựng, Kỹ thuật Giao thông, Công nghệ Thực phẩm, Công nghệ Thông tin, Kinh tế, Kế toán - Tài chính, Ngoại ngữ, viện Khoa học và Công nghệ Khai thác Thủy sản, viện Công nghệ Sinh học & Môi trường, viện Nuôi trồng Thủy sản đào tạo tại Nha Trang;

Xét đề nghị của Trường các Khoa/Viện, Trường phòng Đào tạo và Trường phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 71 sinh viên, Cao đẳng chính quy cho 52 sinh viên; vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

A. Đại học chính quy:

TT	Ngành tốt nghiệp	K48 2006- 2010	K49 2007- 2011	K50 2008- 2012	K51 2009- 2013	Cộng
1	Khai thác thủy sản	-	01	-	-	01
2	An toàn hàng hải	-	-	01	-	01
3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	-	-	01	02	03
4	Công nghệ chế tạo máy	-	-	-	02	02
5	Công nghệ kỹ thuật ô tô	-	-	-	01	01
6	Kỹ thuật tàu thủy	-	-	04	05	09
7	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	-	-	-	05	05
8	Công nghệ thực phẩm	-	-	02	01	03
9	Công nghệ sinh học	-	-	02	-	02
10	Công nghệ kỹ thuật môi trường	-	-	-	03	03
11	Nuôi trồng thủy sản	-	01	02	01	04
12	Công nghệ thông tin	-	-	01	02	03
13	Quản trị kinh doanh	-	-	01	07	08
14	Kinh doanh thương mại	-	-	-	04	04

TT	Ngành tốt nghiệp	K48 2006- 2010	K49 2007- 2011	K50 2008- 2012	K51 2009- 2013	Cộng
15	Kinh tế và quản lý thủy sản	-	-	-	01	01
16	Kế toán	-	-	-	05	05
17	Tài chính - Ngân hàng	-	-	01	10	11
18	Ngôn ngữ Anh	01	-	-	04	05

B. Cao đẳng chính quy:

TT	Ngành tốt nghiệp	K50 2008-2011	K51 2009-2012	K52 2010-2013	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	05	05
2	Công nghệ đóng tàu	-	02	01	03
3	Cơ Điện Lạnh	01	04	-	05
4	Công nghệ kỹ thuật nhiệt - lạnh	-	-	04	04
5	Công nghệ chế biến thủy sản	01	01	03	05
6	Công nghệ thông tin	-	02	03	05
7	Kế toán	01	12	12	25

Điều 2. Trưởng phòng, khoa, viện liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu Văn thư, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Văn Lăng



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP - QUÝ II NĂM 2014

Theo Quyết định số 373 /QĐ-ĐHNT ngày 17/4/2014

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Ngành Khai thác thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	4913022059	Trần Văn Thuyền	Nam	11/08/1989	Đắk Lắk	Trung bình	49HHKT

Danh sách có 01 sinh viên

2. Ngành An toàn hàng hải

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50130522	Nguyễn Hữu Hà	Nam	21/03/1990	Khánh Hoà	TB Khá	50HHAT

Danh sách có 01 sinh viên

3. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50130404	Thái Phan Hoàng	Nam	20/01/1989	Nghệ An	TB Khá	50CKCD
2	4913052041	Đàm Đức Mạnh	Nam	01/11/1988	Hải Dương	TB Khá	51CKCD
3	51131263	Nguyễn Việt Quang	Nam	28/04/1991	Quảng Ngãi	TB Khá	51CKCD

Danh sách có 03 sinh viên

4. Ngành Công nghệ chế tạo máy

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	51130131	Ngô Minh Chiến	Nam	06/01/1991	Quảng Ngãi	TB Khá	51CKCT
2	51131958	Nguyễn Ngọc Tùng	Nam	19/05/1990	Khánh Hòa	TB Khá	51CKCT

Danh sách có 02 sinh viên

5. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	51130868	Hồ Tâm Lĩnh	Nam	24/11/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51CKOT

Danh sách có 05 sinh viên

6. Ngành Kỹ thuật tàu thủy

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50130821	Trần Văn Luân	Nam	21/05/1990	Nam Định	TB Khá	50TTDL
2	50131599	Nguyễn Văn Thống	Nam	03/05/1988	Nghệ An	TB Khá	50TTDL
3	50131103	Duy Đình Nhân	Nam	12/09/1990	Khánh Hoà	Trung bình	50TTDT-1
4	50131157	Nguyễn Thanh Phi	Nam	16/11/1989	Quảng Ngãi	TB Khá	50TTDT-3
5	51130745	Hồ Quang Lanh	Nam	18/09/1991	Nghệ An	TB Khá	51TTDL
6	51131259	Lương Văn Quang	Nam	07/05/1991	Quảng Ngãi	TB Khá	51TTDL
7	51131654	Phạm Văn Toàn	Nam	20/05/1991	Nghệ An	TB Khá	51TTDL
8	51131653	Phan Ngọc Toàn	Nam	20/03/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51TTDT-1
9	51130291	Hồ Việt Gia	Nam	07/04/1990	Khánh Hòa	TB Khá	51TTDT-2

Danh sách có 09 sinh viên

7. Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	51130998	Huỳnh Đức Nghĩa	Nam	13/07/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51XD-1
2	51131870	Đỗ Nguyễn Minh Tuấn	Nam	17/02/1991	Khánh Hòa	Trung bình	51XD-1
3	51130171	Bùi Văn Cường	Nam	15/09/1991	Nghệ An	TB Khá	51XD-2
4	51132155	Lê Minh Đức	Nam	22/08/1986	Khánh Hòa	TB Khá	51XD-2
5	51131049	Nguyễn Tuấn Ngọc	Nam	10/10/1991	Phú Yên	TB Khá	51XD-2

Danh sách có 05 sinh viên

8. Ngành Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50131891	Nguyễn Xuân Tây	Nam	25/01/1990	Phú Yên	TB Khá	50CBTP-2
2	50131681	Lê Võ Đài Trang	Nữ	19/07/1990	Khánh Hòa	TB Khá	50CBTP-3
3	51131545	Lê Công Thắng	Nam	09/08/1990	Khánh Hòa	TB Khá	51CBTP-3

Danh sách có 03 sinh viên

9. Ngành Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50130151	Dương Thiện Chí	Nam	15/10/1990	Quảng Nam	TB Khá	50CNSH
2	50132214	Đặng Đức Trung	Nam	04/05/1989	Đắk Lắk	TB Khá	50CNSH

Danh sách có 02 sinh viên

10. Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	51130689	Nguyễn Văn Khoa	Nam	18/05/1991	Quảng Nam	TB Khá	51CNMT
2	51131924	Nguyễn Văn Tài	Nam	05/02/1991	Nghệ An	TB Khá	51CNMT
3	51131973	Nguyễn Thị Thanh Tú	Nữ	25/06/1989	Thanh Hóa	TB Khá	51CNMT

Danh sách có 03 sinh viên

11. Ngành Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	4913061108	Trần Văn Hiệu	Nam	14/08/1988	Thanh Hóa	TB Khá	49NTTS-2
2	50130077	Lương Xuân Bá	Nam	01/05/1990	Bắc Giang	TB Khá	50NTTS-2
3	50130704	Nguyễn Hữu Khánh	Nam	10/01/1989	Bến Tre	TB Khá	50NTTS-2
4	51131841	Lê Anh Tuấn	Nam	10/05/1991	Lâm Đồng	TB Khá	51NTTS

Danh sách có 04 sinh viên

12. Ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50131794	Nguyễn Minh Trí	Nam	23/12/1990	Tp Hà Nội	TB Khá	50TH-2
2	51131106	Phan Trọng Nhân	Nam	11/07/1991	Nghệ An	TB Khá	51TH-1
3	51130420	Nguyễn Thanh Huy	Nam	20/11/1991	Phú Yên	Trung bình	51TH-2

Danh sách có 03 sinh viên

13. Ngành Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50132209	Nguyễn Thị Minh Châu	Nữ	08/10/1990	Phú Yên	TB Khá	50KTKD-1
2	4913033001	Nguyễn Bảo Anh	Nam	20/09/1988	Khánh Hòa	TB Khá	51KTKD-1
3	51132154	Lê Duy Đức	Nam	04/04/1991	Tp Đà Nẵng	TB Khá	51KTKD-2
4	51131040	Nguyễn Bá Ngọc	Nam	04/11/1991	Bình Định	TB Khá	51KTKD-2
5	51131157	Nguyễn Thanh Phong	Nam	09/02/1991	Kiên Giang	TB Khá	51KTKD-2
6	51131267	Đặng Phước Minh	Nam	31/07/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51KTKD-2
7	51131292	Đặng Đình Quân	Nam	26/06/1991	Nghệ An	TB Khá	51KTKD-2
8	51131591	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	13/11/1991	Phú Yên	TB Khá	51KTKD-2

Danh sách có 08 sinh viên

14. Ngành Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	51130825	Lê Trương Trúc Ly	Nữ	01/09/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51KTMM
2	51131198	Lương Minh Phước	Nam	27/10/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51KTMM
3	51131791	Bùi Lê Minh Trí	Nam	13/11/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51KTMM
4	51132016	Hồ Trúc Vy	Nữ	10/04/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51KTMM

Danh sách có 04 sinh viên

15. Ngành Kinh tế và quản lý thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	51131565	Võ Ngọc Thịnh	Nam	10/01/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51KTTS

Danh sách có 01 sinh viên

16. Ngành Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	51130191	Huỳnh Dương Cảnh	Nam	20/01/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51KTDN-1
2	51130715	Phạm Duy Khánh	Nam	05/11/1986	Ninh Bình	TB Khá	51KTDN-1
3	51131717	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	Nữ	20/03/1991	Thái Bình	TB Khá	51KTDN-1
4	51130068	Tô Lê Lan Anh	Nữ	13/09/1991	Đắk Lắk	TB Khá	51KTDN-2
5	51131993	Dương Vinh	Nam	12/06/1991	Đắk Lắk	TB Khá	51KTDN-2

Danh sách có 05 sinh viên

17. Ngành Tài chính - Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50130384	Vũ Thị Hoa	Nữ	06/02/1989	Hà Nam	TB Khá	50KTTC-1
2	51130146	Nguyễn Văn Châu	Nam	27/05/1991	Khánh Hòa	Trung bình	51KTTC-1
3	48133061	Đỗ Phong	Nam	14/06/1988	Nam Định	Trung bình	51KTTC-1
4	51131903	Phạm Ngọc Tân	Nam	02/08/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51KTTC-1
5	51132135	Đoàn Thị Trang Đài	Nữ	09/03/1991	Quảng Ngãi	TB Khá	51KTTC-2
6	51131181	Nguyễn Đỗ Hà Phương	Nữ	20/11/1990	Ninh Bình	TB Khá	51KTTC-2
7	51131898	Nguyễn Duy Tân	Nam	05/07/1991	Long An	TB Khá	51KTTC-2
8	51131764	Võ Thị Quỳnh Trâm	Nữ	06/03/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51KTTC-2
9	51130836	Lê Hoàng Lâm	Nam	11/12/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51KTTC-3
10	51130782	Phạm Thị Liên	Nữ	07/01/1991	Thanh Hóa	TB Khá	51KTTC-3
11	51130978	Phạm Nguyễn Thu Nga	Nữ	03/10/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51KTTC-3

Danh sách có 11 sinh viên

18. Ngành Ngôn ngữ Anh



TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	48138033	Na	Nữ	08/02/1988	Thái Bình	Trung bình	48TAPD
2	51130270	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	20/12/1991	Hà Tĩnh	TB Khá	51TAPD
3	51130393	Lê Minh	Nam	01/03/1991	Khánh Hòa	Khá	51TAPD
4	51131207	Bùi Thị ái	Nữ	08/11/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51TAPD
5	51131622	Lê Hạnh	Nữ	12/09/1991	Khánh Hòa	TB Khá	51TAPD

Danh sách có 05 sinh viên



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP - QUÝ II NĂM 2014

Theo Quyết định số 373 /QĐ-ĐHNT ngày 17/4/2014

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Ngành Công nghệ kỹ thuật Điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	52160606	Lê Thanh Ca	Nam	11/09/1992	Bình Định	Khá	CDT52
2	52160630	Nguyễn Kim Quốc	Nam	12/12/1992	Đắk Lắk	Khá	CDT52
3	52160641	Võ Thành Thạch	Nam	26/05/1992	Bình Định	Trung bình	CDT52
4	52160646	Nguyễn Bảo Toàn	Nam	27/11/1992	Khánh Hòa	Khá	CDT52
5	52160648	Nguyễn Văn Trữ	Nam	10/02/1992	Nghệ An	Khá	CDT52

Danh sách có 05 sinh viên

2. Ngành Công nghệ đóng tàu

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	51160305	Nguyễn Duy Hùng	Nam	30/04/1991	Quảng Ngãi	Trung bình	CTT51
2	51160326	Đào Đăng Khôi	Nam	30/11/1991	Hà Tĩnh	Trung bình	CTT51
3	52160870	Nguyễn Quốc Tiến	Nam	27/02/1991	Quảng Ngãi	Khá	CTT52

Danh sách có 03 sinh viên

3. Ngành Cơ Điện Lạnh

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50160153	Nguyễn Đình Hường	Nam	06/07/1990	Khánh Hoà	Trung bình	CDL50
2	51160072	Nguyễn Văn Chánh	Nam	16/05/1990	Nghệ An	Trung bình	CDL51
3	51160081	Hoàng Mạnh Cường	Nam	03/02/1990	Hung Yên	Trung bình	CDL51
4	51161011	Nguyễn Văn Đạo	Nam	17/11/1991	Phú Yên	Trung bình	CDL51
5	51160201	Nguyễn Ngọc Huy	Nam	13/11/1991	Khánh Hòa	TB Khá	CDL51

Danh sách có 05 sinh viên

4. Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt - lạnh

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	52160659	Trần Trung Bảo	Nam	20/08/1991	Quảng Ngãi	Trung bình	CNL52
2	52160660	Nguyễn Văn Chính	Nam	20/09/1992	Tp Hà Nội	Khá	CNL52
3	52160688	Nguyễn Văn Thành	Nam	01/06/1992	Quảng Bình	Khá	CNL52
4	52160690	Nguyễn Xuân Toàn	Nam	23/02/1992	Gia Lai	Khá	CNL52

Danh sách có 04 sinh viên

5. Ngành Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50160414	Nguyễn Nhật Quang	Nam	03/10/1990	Khánh Hoà	TB Khá	CCB50
2	51160832	Trần Ngọc Anh Trâm	Nữ	26/07/1991	Khánh Hòa	TB Khá	CCB51
3	52160033	Lê Tấn Hải	Nam	22/10/1992	Bình Định	Trung bình	CCB52
4	52160051	Nguyễn Mai Xuân Lộc	Nam	16/02/1992	Khánh Hòa	Trung bình	CCB52
5	51160613	Nguyễn Anh Quân	Nam	29/03/1991	Khánh Hòa	Trung bình	CCB52

Danh sách có 05 sinh viên

6. Ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50130240	Duy	Nam	06/05/1990	Khánh Hoà	TB Khá	CTH51
2	51160645	Sáng	Nam	05/05/1991	Quảng Trị	TB Khá	CTH51
3	52160716	Nguyễn Văn Cường	Nam	04/08/1992	Đắk Lắk	Khá	CTH52
4	52160738	Phạm Hồng Hòa	Nam	26/03/1991	Đắk Lắk	Trung bình	CTH52
5	52160773	Võ Thanh Quang	Nam	23/11/1992	Khánh Hòa	Khá	CTH52

Danh sách có 05 sinh viên

7. Ngành Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại TN	Lớp
1	50160260	Nguyễn Thành Luân	Nam	15/12/1990	Nghệ An	Trung bình	CDN50-1
2	51161016	Phan Huy Đạt	Nam	18/02/1991	Khánh Hòa	TB Khá	CDN51-1
3	51160224	Nguyễn Hồng Huệ	Nữ	20/11/1990	Khánh Hòa	TB Khá	CDN51-1
4	51160465	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	14/11/1991	Khánh Hòa	Trung bình	CDN51-2
5	51160884	Đỗ Thị Thanh Tâm	Nữ	19/12/1991	Khánh Hòa	Trung bình	CDN51-2
6	51160974	Nguyễn Thế Anh Vũ	Nam	19/02/1991	Khánh Hòa	Trung bình	CDN51-3
7	51160985	Võ Đức Vũ	Nam	22/05/1991	Khánh Hòa	TB Khá	CDN51-3
8	51160564	Hoàng Thị Mỹ Phương	Nữ	30/10/1991	Khánh Hòa	TB Khá	CDN51-4
9	51160940	Lê Hoàng Thái Viên	Nữ	03/10/1991	Phú Yên	TB Khá	CDN51-4
10	51160525	Trần Thị Nhung	Nữ	07/10/1991	Khánh Hòa	Trung bình	CDN51-5
11	51160246	Nguyễn Thị Như Hà	Nữ	03/12/1991	Khánh Hòa	Trung bình	CDN51-6
12	51160238	Phạm Thị Hương	Nữ	02/01/1991	Nam Định	Trung bình	CDN51-6
13	51160941	Võ Thị Hà Viên	Nữ	22/06/1991	Khánh Hòa	Trung bình	CDN51-6
14	52160915	Nguyễn Như Ngọc	Nữ	06/05/1991	Khánh Hòa	Trung bình	CDN52-1
15	52160892	Phan Thị Mỹ Dung	Nữ	22/07/1992	Quảng Ngãi	Trung bình	CDN52-2
16	52160306	Phạm Thị Minh Hằng	Nữ	20/11/1992	Khánh Hòa	Trung bình	CDN52-2
17	52160310	Võ Minh Khoa	Nam	10/07/1992	Khánh Hòa	Trung bình	CDN52-2
18	52160315	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	08/05/1992	Khánh Hòa	Trung bình	CDN52-2
19	52160328	Nguyễn Trần Trúc Nguyên	Nữ	14/10/1992	Khánh Hòa	Khá	CDN52-2
20	52160902	Lê Quang Trung	Nam	16/04/1992	Đắk Lắk	Khá	CDN52-2
21	52160386	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	02/09/1992	Khánh Hòa	Khá	CDN52-3
22	52130512	Phan Thị Nguyễn Hồng	Nữ	01/08/1992	Khánh Hòa	Khá	CDN52-3
23	52160405	Trần Quốc Hưng	Nam	20/06/1992	Khánh Hòa	Trung bình	CDN52-3
24	52160554	Hứa Thị Phương	Nữ	16/05/1991	Đắk Lắk	Trung bình	CDN52-4
25	52160560	Lê Huy Quyết	Nam	04/12/1992	Khánh Hòa	Trung bình	CDN52-4

Danh sách có 25 sinh viên